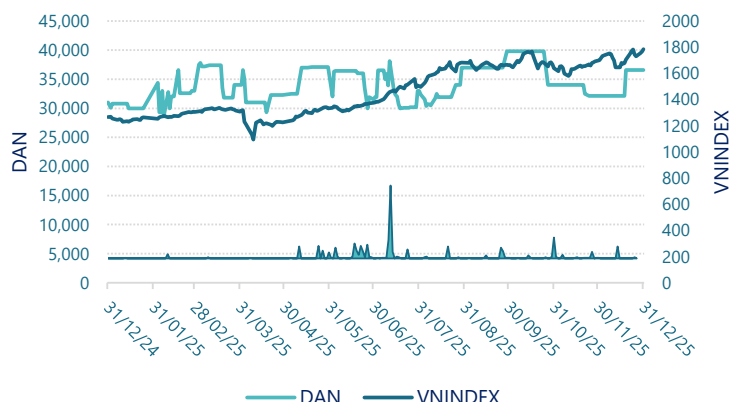


CTCP Dược Danapha (UPCOM: DAN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	36,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	39,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	28,600
SL cổ phiếu LH	20,938,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	766
P/E	9.1
EPS	4,019

DT thuần

Q4/25

189

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 26.0 | 16.1%

YoY: ▲ 42.0 | 28.8%

LN sau thuế

Q4/25

32.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.40 | 20.0%

YoY: ▲ 20.3 | 167%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

17.6%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

2025

647

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 82.0 | 14.6%

LN sau thuế

2025

84.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.1 | 20.2%

ROE

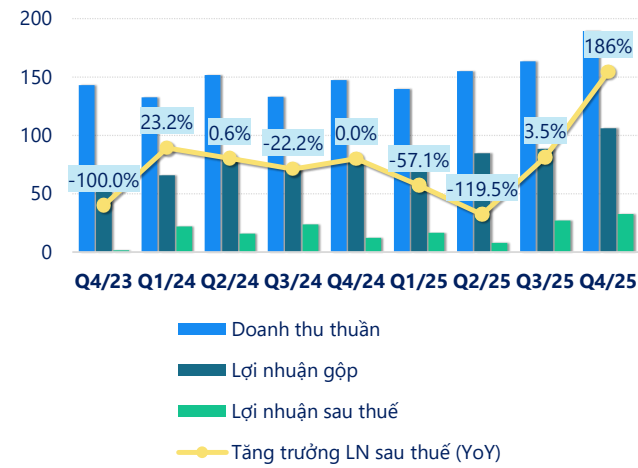
2025

10.4%

+/- YoY: ▲ 0.9%

tỷ VNĐ

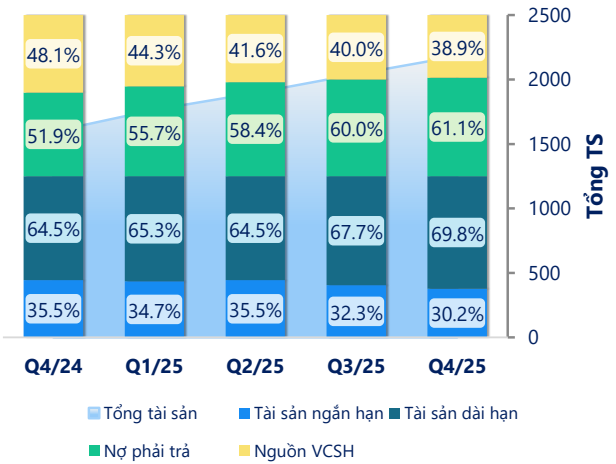
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

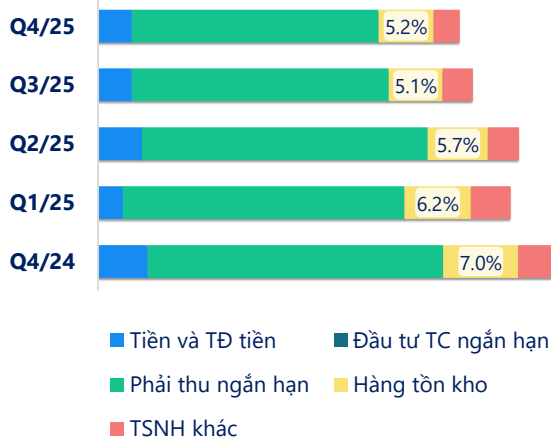
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



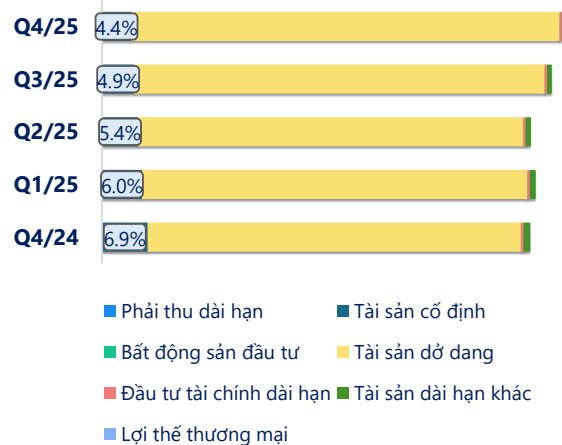
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

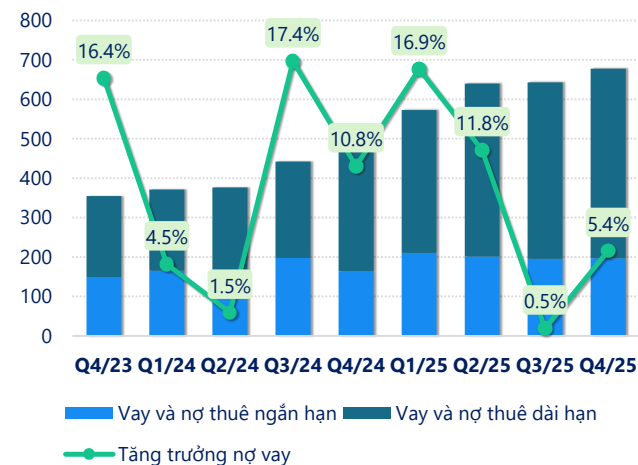
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

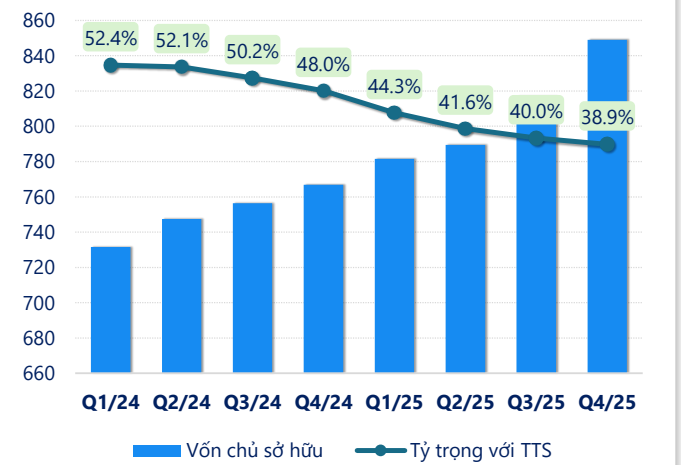
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

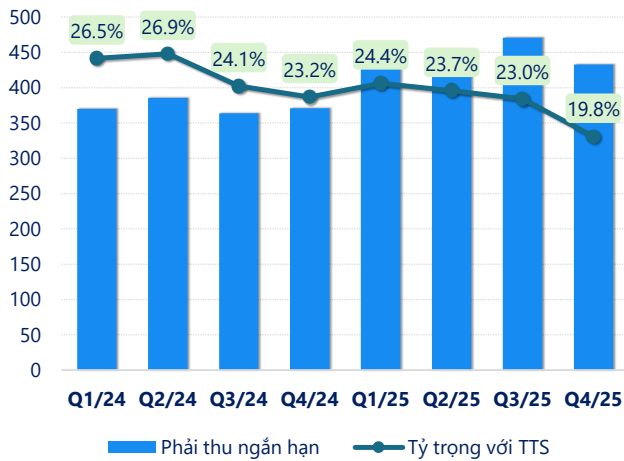
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



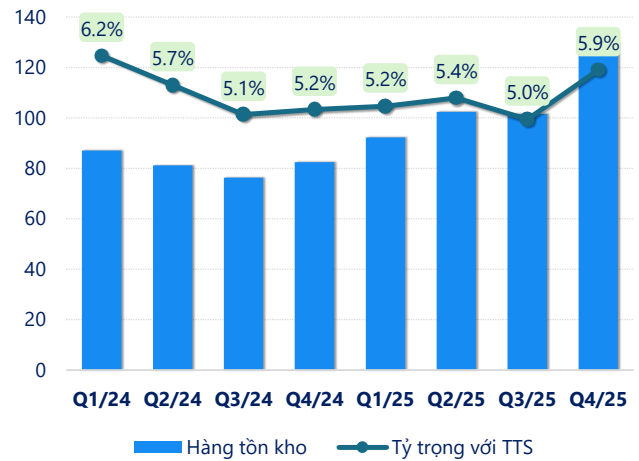
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


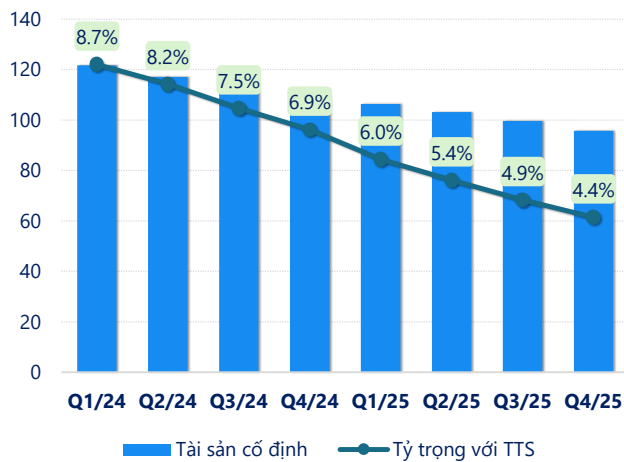
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


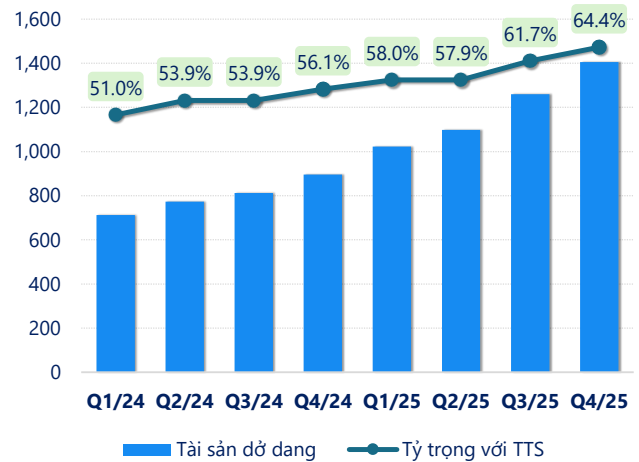
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

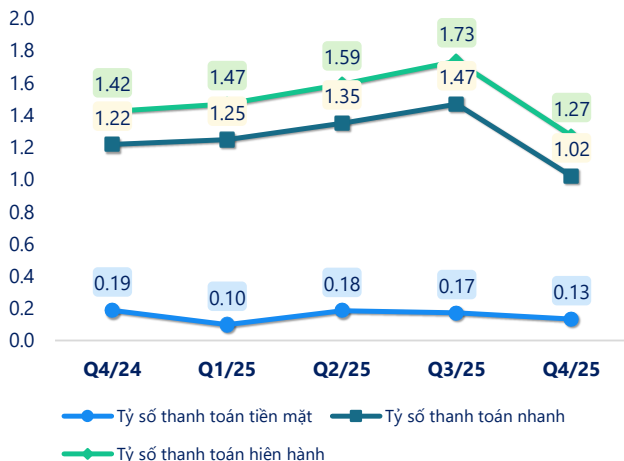
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

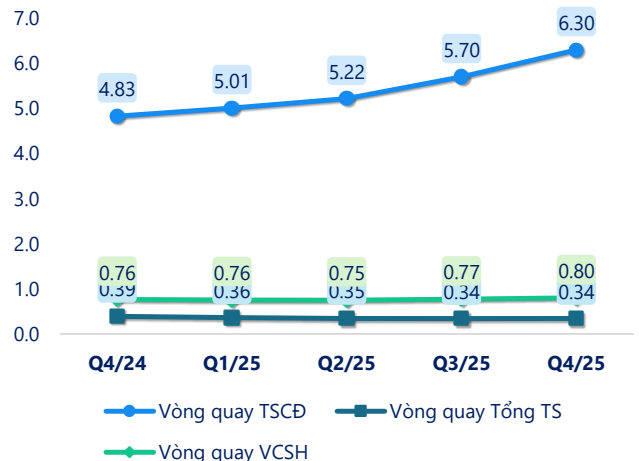
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,596	1,765	1,897	2,042	2,181
Tài sản ngắn hạn	567	613	672	660	658
Tiền và tương đương tiền	74.6	41.1	78.0	65.1	69.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	371	430	450	471	433
Hàng tồn kho	82.4	92.3	102	102	130
Tài sản ngắn hạn khác	39.6	49.2	41.7	22.7	26.4
Tài sản dài hạn	1,029	1,152	1,224	1,382	1,523
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	110	106	103	99.6	95.7
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	896	1,023	1,099	1,260	1,405
Đầu tư tài chính dài hạn	6.80	6.80	6.80	6.80	6.80
Tài sản dài hạn khác	16.5	16.1	15.6	15.2	15.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	829	983	1,107	1,225	1,332
Nợ ngắn hạn	398	417	423	380	518
Vay và nợ thuê ngắn hạn	163	210	201	196	197
Phải trả người bán ngắn hạn	135	137	141	86.2	200
Nợ dài hạn	431	566	684	845	814
Vay và nợ thuê dài hạn	326	362	439	447	481
Nguồn vốn chủ sở hữu	767	782	790	817	849
Vốn chủ sở hữu	767	782	789	817	849
Vốn điều lệ	209	209	209	209	209
Kinh phí và quỹ khác	0.14	0.14	0.14	0.14	0.14

(Nguồn: fireant.vn)